

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/DS-ST

Ngày: 30-8-2024

“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản bằng tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Múth Sô Ny; ông Nguyễn Quốc Khanh.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Tiên, Thư ký tòa án nhân dân thị xã
Tĩnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tĩnh Biên tham gia phiên tòa: bà
Trần Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tĩnh Biên xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 về
việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 173/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: số B, L, phường T, quận B,
thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc;

Đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Thành C - Trưởng phòng Kế hoạch kinh
doanh của Ngân hàng N, chi nhánh T theo giấy uỷ quyền ngày 11/3/2024, xin
vắng mặt;

- **Bị đơn:** ông Tống Phước Q, sinh năm 1982, nơi cư trú: ấp V, xã V,
huyện A, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Trung tâm y tế huyện T (nay là
thị xã T); địa chỉ: khóm S, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ
án đại diện Ngân hàng N, chi nhánh T ông Trần Thành C trình bày:**

Ngày 27/8/2020, ông Tống Phước Q có ký kết hợp đồng tín dụng số
6706-LAV-202002051 (kèm phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn

trả nợ) với Ngân hàng N, chi nhánh T, vay số tiền vốn là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng (kể từ ngày 27/8/2020 đến ngày 26/08/2025 hết hạn); lãi suất vay: 12.5%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay; phương thức trả nợ theo định kỳ hàng tháng: gồm 60 kỳ, mỗi kỳ trả vốn 1.667.000 đồng/tháng (kỳ cuối trả 1.647.000 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng; mục đích vay: tiêu dùng; hình thức vay: cho vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng xin vắng mặt, đồng thời vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Tống Phước Q, thanh toán tổng số tiền 69.648.693 đồng, trong đó: vốn 58.325.000 đồng, tiền lãi 11.323.693 đồng (trong hạn 10.652.413 đồng; quá hạn 671.280 đồng, tính đến ngày 07/3/2024) và lãi phát sinh theo hợp đồng sau ngày 07/3/2024.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Tống Phước Q vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 274, 275, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Về tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh ngày 30/5/2024 tại Công an xã V, huyện A, tỉnh An Giang về tình trạng cư trú của ông Tống Phước Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng N, chi nhánh T ký kết hợp đồng tín dụng với ông Tống Phước Q. Việc tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng, nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Thành C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Tống Phước Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm y tế huyện T (nay là thị xã T) được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Tống Phước Q ký hợp đồng hợp đồng tín dụng số 6706-LAV-202002051 ngày 27/8/2020 với Ngân hàng N, chi nhánh T vay tiền nhằm mục đích tiêu dùng. Theo quy định tại điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản bằng tiền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng hợp đồng tín dụng số 6706-LAV-202002051 ngày 27/8/2020 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận của các bên. Về nội dung và hình thức của hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định Điều 13, 18 và Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 “*về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*”, lãi suất hợp đồng áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, nên có cơ sở công nhận hợp đồng này là hợp pháp, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Biện pháp bảo đảm hợp đồng tín dụng được các bên ký kết bằng hình thức tín chấp, không có tài sản để bảo đảm thực hiện giao dịch.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng N, chi nhánh T, xác định ông Tống Phước Q còn nợ tổng số tiền 69.648.693 đồng, trong đó: vốn 58.325.000 đồng, tiền lãi 11.323.693 đồng (trong hạn 10.652.413 đồng; quá hạn 671.280 đồng, tính đến ngày 07/3/2024).

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Do ông Q đã vi phạm thỏa thuận nên có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N, chi nhánh T khoản nợ này là phù hợp. Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải chịu án phí theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn ông Tống Phước Q.

Buộc ông Tống Phước Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N, chi nhánh T tổng số tiền vốn, lãi là 69.648.693 đồng, trong đó: vốn 58.325.000 đồng, tiền lãi 11.323.693 đồng (trong hạn 10.652.413 đồng; quá hạn 671.280 đồng, tính đến ngày 07/3/2024) và lãi phát sinh theo hợp đồng sau ngày 07/3/2024.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Tống Phước Q phải chịu 3.482.000đ (*ba triệu, bốn trăm, tám mươi hai ngàn đồng*) tiền án phí.

Ngân hàng N được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 1.741.217đ (*một triệu, bảy trăm, bốn mươi một ngàn, hai trăm mười bảy đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0010803 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung một số điều; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tx. Tịnh Biên (1);
- Chi cục THADS tx. Tịnh Biên (1);
- Đương sự (3);
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ